

Số: /2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý mạng cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP về quản lý và sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-BKHCN về ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025-2030;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT về hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông;

Căn cứ Thông tư 15/2023/TT-BXD về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BTTTT quy định chi tiết cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá, phương pháp định giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà, giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông, tổ chức, cá nhân sở hữu công trình viễn thông;

Căn cứ Chỉ thị số 52/CT-BTTTT về việc tăng cường chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý mạng cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý mạng cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.
2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quy định quản lý mạng cáp treo viễn thông, truyền hình tại các phường, thị trấn, khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

b) Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

c) Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, truyền hình cáp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Vụ pháp chế-Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin-Công báo;
- Lưu: VT, VP11.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Lan Anh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Dự thảo

QUY ĐỊNH

Quản lý mạng cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
(Ban hành kèm theo Quyết định số/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý mạng cáp viễn thông bao gồm: Yêu cầu kỹ thuật và sử dụng chung cột treo cáp viễn thông; quản lý, lắp đặt mạng cáp viễn thông trong khu dân cư, tòa nhà chung cư, công trình công cộng, khu chức năng và cụm công nghiệp; lập kế hoạch, lắp đặt, thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân liên quan việc tham gia lập kế hoạch, đầu tư, lắp đặt, quản lý, khai thác, sắp xếp, chỉnh trang, ngầm hóa cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Quy định này không áp dụng đối với cáp treo trong trường hợp khẩn cấp để đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và các trường hợp khẩn cấp khác liên quan đến an ninh, quốc phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cáp viễn thông: Là tên gọi chung chỉ cáp quang, cáp đồng, cáp đồng trục (*cáp truyền hình*) được dùng để truyền thông tin trong mạng viễn thông thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Cáp thuê bao: Là đoạn cáp viễn thông từ hộp cáp, tủ cáp, hố cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình đến thiết bị đầu cuối đặt trong nhà thuê bao.

3. Cáp treo: Là cáp viễn thông để lắp đặt trên hệ thống đường cột và các cấu trúc đỡ khác.

4. Cáp ngầm: Là cáp viễn thông được chế tạo để chôn trực tiếp trong đất hoặc đi trong hạ tầng kỹ thuật ngầm.

5. Cáp phối: Là cáp viễn thông nối giữa các tủ cáp hoặc cáp nối từ tủ cáp tới các hộp cáp. Cáp phối còn gọi là cáp ngọn hay cáp thứ cấp.

6. Cáp chính: Là đoạn cáp viễn thông từ giá đầu dây (MDF/DDF) tới tủ cáp, hộp cáp, măng sông rẽ nhánh đầu tiên. Cáp chính còn gọi là cáp gốc, cáp sơ cấp.

7. Cơ sở hạ tầng viễn thông: Là tập hợp các thiết bị viễn thông, đường truyền dẫn, mạng viễn thông và các công trình viễn thông.

8. Công trình cáp viễn thông: Là các công trình sử dụng cáp viễn thông (*cáp đồng, cáp quang,...*) đi treo, đi ngầm (*chôn trực tiếp hoặc đi trong hạ tầng kỹ thuật ngầm*).

9. Hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông: Bao gồm cột treo cáp và hạ tầng kỹ thuật ngầm.

10. Hạ tầng kỹ thuật ngầm (*bao gồm cống cáp, bể cáp, hào và tuy nen kỹ thuật,...*): Là công trình hạ tầng kỹ thuật được xây dựng ngầm dưới mặt đất để lắp đặt cáp.

11. Măng sông cáp: Là phụ kiện dùng để nối liền cáp, bảo đảm kín nước. Măng sông cáp có nhiều hình dạng khác nhau, có hai hoặc nhiều đầu nối.

12. Tủ cáp: Một kết cấu dạng khung hộp bằng kim loại hoặc polyme kín, chống được nước mưa, là nơi kết nối giữa cáp chính và cáp phối.

13. Hộp cáp: Một kết cấu dạng hộp, nhỏ bằng kim loại hoặc polyme kín, chống được nước mưa, trong đó có các phiên nối dây, dùng để nối cáp phối với cáp thuê bao.

14. Cột treo cáp: Là cột bằng thép hoặc bê tông cốt thép dùng để treo cáp viễn thông.

15. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung: Là các công trình xây dựng để bố trí, lắp đặt đường dây, cáp và đường ống bao gồm: Cột ăng ten; cột treo cáp; cống cáp; hào và tuy nen kỹ thuật; đường đô thị; đường hầm bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt.

16. Đơn vị quản lý cột treo cáp (đơn vị quản lý cột) là đơn vị được giao quản lý, khai thác hệ thống cột phục vụ lắp đặt đường dây, cáp viễn thông.

17. Đơn vị sở hữu cáp viễn thông (đơn vị sở hữu cáp) là tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp viễn thông lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và hệ thống cột treo cáp.

18. Khu chức năng là một khu vực tại đô thị, nông thôn gồm khu kinh tế, khu du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao, khu văn hóa, khu phức hợp y tế, khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật và các khu vực

phát triển theo chức năng khác được định hướng tại quy hoạch vùng hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch chung theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý cáp viễn thông

1. Việc lập kế hoạch, đầu tư, xây dựng, quản lý và khai thác cáp viễn thông phải phù hợp với quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Ninh Bình, quy hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình, đúng với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị.

2. Ưu tiên và tạo điều kiện trong việc dùng chung cáp viễn thông, hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông, đặc biệt là hạ tầng kỹ thuật đi ngầm cáp viễn thông.

3. Khuyến khích các nhà khai thác dịch vụ dùng chung cáp viễn thông. Từng bước xây dựng lộ trình ngầm hóa cáp viễn thông tại các khu vực đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu di tích lịch sử nhằm bảo vệ cảnh quan môi trường và mỹ quan đô thị.

4. Khi phát triển mạng lưới viễn thông tại các tuyến đường mới trong khu đô thị, khu dân cư mới phải thực hiện xây dựng ngầm 100% mạng cáp viễn thông, tuân thủ nguyên tắc an toàn và đảm bảo mỹ quan đô thị.

5. Cáp viễn thông phải có dấu hiệu nhận biết theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 giữa Bộ Xây dựng, Bộ Công thương, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Chương II **YÊU CẦU KỸ THUẬT** **VÀ SỬ DỤNG CHUNG CỘT TREO CÁP VIỄN THÔNG**

Điều 5. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp treo

1. Cáp viễn thông phải đáp ứng các quy định tại Mục 2.1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông QCVN 33:2019/BTTTT ban hành theo Thông tư số 20/2019/TT-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (sau đây gọi tắt là Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT).

2. Cáp viễn thông không được treo trong các trường hợp sau:

a) Trên các tuyến đường, phố đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đã quy hoạch ngầm hóa hoặc có thông báo của cơ quan nhà nước;

b) Khi dung lượng cáp viễn thông hiện có của chủ sở hữu trên các tuyến đường vẫn còn đáp ứng khả năng phát triển dịch vụ hoặc nhu cầu sử dụng. Tổng số lượng cáp của một doanh nghiệp hoặc một tổ chức treo trên một tuyến vượt quá 05 sợi cáp;

c) Khi vượt đường giao thông có độ rộng lớn hơn 70 m và các đường trọng điểm theo quy định của tỉnh Ninh Bình;

d) Khi chưa có thỏa thuận dùng chung với đơn vị quản lý cột treo cáp;

đ) Các đoạn hoặc tuyến đường có khoảng cách giữa các cột treo cáp lớn hơn 70 m;

e) Không được treo cáp tại các tuyến khu dân cư mới, khu đô thị mới.

Điều 6. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp trong cống bể, cáp chôn trực tiếp và cáp trong đường hầm

1. Cáp viễn thông đi trong cống bể: Khi lắp đặt phải tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 2.2 Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

2. Cáp viễn thông chôn trực tiếp: Khi lắp đặt phải tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 2.3 Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

3. Cáp viễn thông đi trong đường hầm: Khi lắp đặt phải tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 2.4 Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

4. Không được lắp đặt cáp viễn thông ngâm trong lòng mương, cống thoát nước. Trong quá trình thi công không được làm ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật và cây xanh hiện có.

Điều 7. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp qua sông

Cáp viễn thông khi vượt qua sông, hồ, lắp đặt trên cầu, treo qua sông hoặc thả xuống sông phải tuân thủ các quy định tại Mục 2.5 Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

Điều 8. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp thuê bao

1. Cáp thuê bao được lắp đặt theo một trong hai phương thức treo nổi hoặc đi ngầm phải được lắp đặt đúng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 2.6 Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

2. Cáp thuê bao nổi phải đi vào khay, gông (đối với tuyến đường, phố đã có khay, gông luôn cáp trên hệ thống cột điện lực), phải được kéo thẳng và bó gọn với độ cao như cáp chính. Độ dài cáp thuê bao không vượt quá 200m tại địa bàn phường và không quá 500m tại địa bàn xã.

3. Mỗi đơn vị sở hữu cáp không được lắp đặt quá 05 sợi cáp thuê bao trên cùng một tuyến; trường hợp nhiều hơn 05 sợi cáp thuê bao phải thay các sợi cáp này bằng cáp có dung lượng lớn hơn.

Điều 9. Yêu cầu kỹ thuật đối với tủ cáp, hộp cáp và các thiết bị phụ trợ khác

Tủ cáp, hộp cáp và các thiết bị phụ trợ khác phải được lắp đặt theo đúng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 2.7 Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT.

Điều 10. Yêu cầu về sử dụng chung cột treo cáp viễn thông

1. Việc quản lý, đầu tư xây dựng công trình cột treo cáp phải tuân thủ theo quy định của Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT và các quy định liên quan. Đơn vị quản lý cột treo cáp chịu trách nhiệm quản lý, bảo trì, vận hành công trình cột treo cáp đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị.

2. Khi lắp đặt thêm các tuyến cáp đi nổi hoặc thiết bị phụ trợ vào cột treo cáp phải đảm bảo an toàn vận hành, hoạt động bình thường của hệ thống đã có và phải được đơn vị quản lý cột treo cáp chấp thuận bằng văn bản. Đơn vị quản lý cột treo cáp có trách nhiệm tạo điều kiện, cho phép các đơn vị sở hữu cáp viễn thông sử dụng chung hạ tầng cột treo cáp tại các khu vực không đủ mặt bằng hạ ngầm hoặc chưa tổ chức hạ ngầm và có văn bản phúc đáp trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được ăn bản đề nghị của đơn vị sở hữu cáp viễn thông. Khi sử dụng chung hạ tầng cột treo cáp, các đơn vị sở hữu cáp viễn thông phải cung cấp số điện thoại liên lạc cho đơn vị quản lý cột treo cáp để phối hợp khắc phục các sự cố và xử lý tình huống khẩn cấp.

3. Khi sử dụng các cột treo cáp hiện có để lắp đặt và khai thác phải đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp giữa đơn vị quản lý cột treo cáp và đơn vị sở hữu cáp viễn thông. Trường hợp hệ thống cột treo cáp không còn khả năng treo thêm, đơn vị quản lý cột treo cáp phối hợp đơn vị sở hữu cáp viễn thông xây dựng phương án thay thế phù hợp (chỉ xây dựng tuyến cột mới khi cột cũ không đảm bảo an toàn khai thác và phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền).

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, LẮP ĐẶT MẠNG CÁP VIỄN THÔNG TRONG KHU DÂN CƯ, NHÀ CHUNG CƯ, CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, KHU CHỨC NĂNG VÀ CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 11. Quy định về lắp đặt mạng cáp viễn thông trong khu dân cư, nhà chung cư, công trình công cộng, khu chức năng và cụm công nghiệp

1. Việc thiết kế, xây dựng, lắp đặt mạng cáp viễn thông tuân thủ theo quy định tại Điều 65 Luật Viễn thông ngày 24/11/2023, Quy chuẩn QCVN 07-8:2023/BXD ban hành theo Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng và các quy định liên quan.

2. Hệ thống mạng cáp viễn thông trong khu dân cư, nhà chung cư, công trình công cộng, khu chức năng, cụm công nghiệp khi thiết kế, lắp đặt phải đảm bảo khả năng cung cấp dịch vụ cho ít nhất 02 (hai) doanh nghiệp viễn thông hoặc nhu cầu của người sử dụng. Đảm bảo người sử dụng dịch vụ được tự do lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, thúc đẩy cạnh tranh trong việc thiết lập và cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp; bảo đảm an toàn, mỹ quan, thuận tiện cho công tác quản lý, lắp đặt, bảo trì và nâng cấp hệ thống trong tương lai.

3. Chủ đầu tư xây dựng các khu dân cư, nhà chung cư, công trình công cộng, khu chức năng, cụm công nghiệp có trách nhiệm thiết kế, lắp đặt cáp viễn thông bên trong công trình; đồng thời bố trí mặt bằng để các tổ chức, cá nhân có đủ chức năng lắp đặt mạng cáp viễn thông. Việc đầu tư mạng cáp viễn thông lắp đặt trong các khu dân cư, nhà chung cư, công trình công cộng, khu chức năng, cụm công nghiệp phải phù hợp quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Hệ thống mạng cáp viễn thông trong tòa nhà sử dụng công nghệ mạng cáp quang, đảm bảo cung cấp các dịch vụ cơ bản (điện thoại cố định, internet, truyền hình cáp) trên cùng một đường cáp. Hệ thống mạng cáp quang lắp đặt trong tòa nhà phải đảm bảo các quy định sau:

a) Hệ thống cáp quang lắp đặt trong tòa nhà phải đáp ứng các điều kiện kỹ thuật để các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông tại tòa nhà có khả năng đấu nối tại tủ phân cáp hoặc giá đấu dây của tòa nhà. Mỗi căn hộ trong tòa nhà phải được trang bị sẵn một sợi quang từ hộp đấu dây tới căn hộ;

b) Hệ thống cáp, dây thuê bao trong tòa nhà phải được quy hoạch dán nhãn, đánh số để đảm bảo tính chính xác, dễ dàng khi thi công và cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong tòa nhà.

Điều 12. Quy định về giá thuê sử dụng mạng cáp viễn thông trong khu dân cư, tòa nhà, chung cư, công trình công cộng, khu chức năng, cụm công nghiệp.

Giá thuê sử dụng mạng cáp viễn thông trong khu dân cư, tòa nhà, chung cư, công trình công cộng, khu chức năng, cụm công nghiệp được xác định theo quy định tại Thông tư số 07/2024/TT-BTTTT ngày 02/7/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá, phương pháp định giá thuê sử dụng mạng cáp trong tòa nhà, giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông, tổ chức, cá nhân sở hữu công trình viễn thông và các văn bản có liên quan. Trường hợp có quy định thay thế thì áp dụng theo quy định mới.

Chương IV

LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC LẮP ĐẶT CÁP VIỄN THÔNG

Điều 13. Xây dựng kế hoạch lắp đặt cáp viễn thông

1. Các doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm xây dựng kế hoạch lắp đặt cáp viễn thông định kỳ hàng quý. Khi lắp đặt cáp viễn thông phải gửi kế hoạch lắp đặt cáp viễn thông cho Sở Khoa học và Công nghệ để quản lý, theo dõi.

2. Thời gian gửi kế hoạch lắp đặt cáp viễn thông trước ngày 15 của tháng liền kề trước quý.

3. Nội dung kế hoạch bao gồm: tên tuyến cáp; loại cáp; điểm đầu; điểm cuối; số lượng tủ, hộp cáp; khả năng sử dụng chung hạ tầng và dự kiến thời gian triển khai lắp đặt.

4. Trước khi lắp đặt cáp viễn thông, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm gửi thông báo trước ít nhất 07 (bảy) ngày kèm theo bản vẽ tuyến cáp viễn thông đến sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi có tuyến cáp đi qua để theo dõi và quản lý.

Điều 14. Kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc lắp đặt cáp viễn thông trên các quốc lộ, tỉnh lộ và các tuyến phố chính trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm kiểm tra việc lắp đặt cáp viễn thông tại các khu vực còn lại thuộc phạm vi quản lý của mình.

CHƯƠNG V

THU HỒI, SẮP XẾP, CHỈNH TRANG VÀ HẠ NGÀM CÁP VIỄN THÔNG

Điều 15. Thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông

1. Việc thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông phải tuân thủ quy định tại Mục 2.8 của Quy chuẩn QCVN 33:2019/BTTTT, các quy định pháp luật hiện hành và Kế hoạch chỉnh trang mạng cáp viễn thông do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo từng thời kỳ.

2. Các đơn vị sở hữu cáp viễn thông có trách nhiệm:

a) Rà soát, thống kê cáp hiện có; thay thế nhiều cáp thuê bao bằng cáp có dung lượng lớn;

b) Gia cố, chỉnh sửa, thay thế cột, tủ cáp, hộp cáp kém chất lượng hoặc không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, mỹ quan đô thị;

c) Đi cáp vào khuôn, kéo căng, bó gọn cáp viễn thông; treo thẻ sở hữu cáp và thẻ báo độ cao cáp;

d) Từng bước thực hiện ngầm hóa cáp viễn thông.

3. Căn cứ theo Kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp cáp viễn thông do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, các đơn vị quản lý cột treo cáp và đơn vị sở hữu cáp viễn thông có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân xã, phường nơi triển khai để phối hợp kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.

4. Thu hồi, thay thế cáp viễn thông và các thành phần liên quan công trình cáp viễn thông không đảm bảo.

Điều 16. Triển khai hạ ngầm cáp viễn thông hiện có

1. Các đơn vị quản lý cột treo cáp và đơn vị sở hữu cáp viễn thông có trách nhiệm rà soát, xây dựng phương án hạ ngầm cáp viễn thông treo (bao gồm cả cáp thuê bao) và trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

2. Trên cơ sở lộ trình ngầm hóa cáp viễn thông do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành hoặc đề xuất của các chủ sở hữu cáp, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường lựa chọn phương án ngầm hóa cáp viễn thông cho từng tuyến đường, đồng thời lấy ý kiến về xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm để ngầm hóa cáp viễn thông.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hạ tầng kỹ thuật ngầm hoàn thành, toàn bộ cáp viễn thông phải được ngầm hoá.

Điều 17. Quy định quản lý cáp viễn thông sau khi cải tạo, chỉnh trang, sắp xếp

1. Đơn vị quản lý cột treo cáp trên các tuyến đường đã thực hiện cải tạo, chỉnh trang, sắp xếp cáp viễn thông treo có trách nhiệm:

a) Thường xuyên kiểm tra, rà soát các đơn vị treo cáp không đúng quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trên các tuyến đường đã thực hiện cải tạo, chỉnh trang, sắp xếp cáp viễn thông;

b) Chủ động thông báo và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xử lý các đơn vị treo cáp vi phạm quy định này.

2. Đối với các trường hợp treo cáp viễn thông ngoài bó cáp hoặc ngoài vòng khuyên treo trên các tuyến đường đã thực hiện cải tạo, chỉnh trang, sắp xếp, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo và yêu cầu chủ sở hữu cáp viễn thông và các đơn vị liên quan cắt bỏ, tiêu hủy số cáp nói trên; chủ sở hữu cáp viễn thông phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu hồi cáp đã bị cắt bỏ và khắc phục hệ thống thông tin liên lạc của đơn vị mình.

Điều 18. Xử lý cáp viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông khi bị sự cố

1. Khi xảy ra sự cố cáp viễn thông bị đứt hoặc tủ cáp, hộp cáp, cống, bể, cột bị hư hỏng..., chủ sở hữu công trình cáp viễn thông phải có mặt kịp thời để phối hợp xử lý tạm thời nhằm đảm bảo an toàn giao thông và đảm bảo thông tin liên lạc.

2. Khi cáp viễn thông đi treo qua đường bị đứt, gãy cột, đơn vị sở hữu cáp, cột có trách nhiệm trồng cột mới (nếu cột bị gãy) hoặc kéo dây gia cường để treo tạm không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông. Trong vòng 02 (hai) ngày kể từ khi xảy ra sự cố, chủ sở hữu cáp phối hợp với đơn vị quản lý cột có phương án và triển khai chỉnh trang, sắp xếp cáp viễn thông.

3. Đối với các trường hợp di dời công trình dùng chung cáp viễn thông (cột, cống, bể) chủ sở hữu công trình dùng chung cáp viễn thông có trách nhiệm thông báo đến các đơn vị có sử dụng chung trước thời gian di dời ít nhất 07 (bảy) ngày. Nếu đơn vị sử dụng chung không phối hợp di dời đồng bộ, chủ sở hữu công trình dùng chung có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan để xử lý cáp viễn thông bảo đảm tiến độ, an toàn.

4. Các đơn vị quản lý cột treo cáp và các đơn vị sử dụng cột treo cáp phải thiết lập đường dây liên lạc (danh sách cán bộ phụ trách, số điện thoại liên lạc) và báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ. Khi xảy ra sự cố hoặc tình huống khẩn cấp, các bên phải phối hợp khắc phục, bảo đảm an toàn, mỹ quan đô thị, vệ sinh môi trường.

Chương VI TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN

Điều 19. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành kế hoạch sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông; đồng thời chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát việc lắp đặt cáp viễn thông.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện quy định này nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo quy định này.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tháo dỡ, thu hồi cáp viễn thông không đúng quy định, bị hỏng, không còn sử dụng.

5. Xác nhận thông báo kế hoạch gửi Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị quản lý cột để quản lý, theo dõi việc triển khai của các doanh nghiệp viễn thông.

Điều 20. Sở Xây dựng

1. Quản lý quy hoạch và quản lý xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư, khu thương mại đảm bảo các yêu cầu quy hoạch về hạ tầng kỹ thuật viễn thông theo quy định. Khi quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, khu thương mại, khu dân cư phải kèm theo quy hoạch hạ tầng kỹ thuật cáp viễn thông, bao gồm: cống, bể, hầm, hào, tuynel kỹ thuật, cột treo cáp.

2. Quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, trong đó có cáp viễn thông. Tổ chức quản lý, duy trì hệ thống cột chiếu sáng theo phân cấp và các quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các Sở, ngành và lực lượng chức năng kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc lắp đặt cáp viễn thông treo nổi trên cột đèn chiếu sáng hoặc lắp dựng mới cột không đảm bảo an toàn giao thông, cảnh quan đô thị.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc rà soát, đối chiếu với quy hoạch phát triển giao thông đường bộ trên các tuyến đường do Sở quản lý trên địa bàn tỉnh; đồng thời phối hợp triển khai sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông hiện có, tạo điều kiện tốt nhất để kịp thời ngầm hóa các đoạn cáp viễn thông gây mất an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

Điều 21. Sở Công Thương

1. Kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình tăng cường quản lý các tuyến cột và sắp xếp, chỉnh trang lại các đường dây điện, cáp viễn thông hiện có treo trên hệ thống cột điện, bảo đảm đúng Quy định này và các quy định hiện hành khác có liên quan của Nhà nước

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ giám sát, quản lý chặt chẽ các dự án viễn thông có sử dụng chung cột treo cáp, bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của ngành điện.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm đối với hạ tầng cáp viễn thông và hành lang an toàn lưới điện trên địa bàn tỉnh.

Điều 22. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng tổ chức hiệp thương giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và những nội dung liên quan quy định tại Khoản 4 Điều 14 Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC- BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng

dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và các khung giá khác liên quan.

2. Hàng năm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng dự toán kinh phí phục vụ cho việc chỉnh trang cáp viễn thông, thu hồi cáp treo bị hỏng, cáp viễn thông treo không sử dụng, treo không đúng quy định.

Điều 23. Công an tỉnh

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan trong việc kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về lắp đặt, quản lý hệ thống cáp viễn thông trên địa bàn.

2. Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc và Công an xã, phường phối hợp với cơ quan liên quan kiểm tra, kịp thời phát hiện, xử lý những sai phạm theo thẩm quyền; bảo đảm an toàn mạng cáp viễn thông; xử lý nghiêm các hành vi cản trở việc xây dựng hợp pháp, phá hoại, xâm phạm mạng cáp viễn thông.

Điều 24. Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất việc chấp hành các quy định về cáp viễn thông trên địa bàn; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định.

2. Phối hợp với đơn vị quản lý cột treo cáp xây dựng và triển khai kế hoạch sắp xếp, chỉnh trang các tuyến cáp viễn thông hiện có trên hệ thống cột điện chiếu sáng đảm bảo đúng các yêu cầu kỹ thuật và tuân thủ Quy định này.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất các tuyến đường thuộc quyền quản lý cần chỉnh trang hàng năm.

4. Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng và sử dụng chung các công trình cột treo cáp. Yêu cầu các đơn vị chủ sở hữu cáp viễn thông tháo dỡ cáp viễn thông tự treo và cử cán bộ phối hợp với các lực lượng chức năng, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai tháo dỡ cáp viễn thông trên địa bàn.

Điều 25. Chủ đầu tư và đơn vị quản lý tòa nhà

1. Chủ đầu tư khi lập và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tòa nhà bắt buộc phải đưa nội dung hệ thống cáp viễn thông trong tòa nhà vào thiết kế cơ sở của dự án. Đơn vị quản lý tòa nhà tiếp nhận và ban hành quy chế tổ chức, quản lý, sử dụng, bảo hành, bảo trì đối với hệ thống cáp viễn thông trong tòa nhà do đơn vị mình quản lý. Sau khi Ban Quản trị tòa nhà được thành lập, Chủ đầu tư bàn giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm về quy chế quản lý, sử dụng hệ thống cáp viễn thông trong tòa nhà.

2. Niêm yết giá thuê sử dụng mạng cáp viễn thông trong tòa nhà. Hướng dẫn các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông lắp đặt, kết nối vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung của tòa nhà hoặc lắp đặt thêm hệ thống mạng cáp viễn thông theo quy định.

3. Phối hợp cơ quan Công an, chính quyền địa phương tổ chức các biện pháp nhằm phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi có dấu hiệu xâm phạm, phá hoại hệ thống cáp viễn thông trong tòa nhà.

Điều 26. Các đơn vị quản lý hệ thống cột để lắp đặt cáp viễn thông

1. Hàng năm, chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị sở hữu cáp viễn thông xây dựng kế hoạch thu hồi, sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông trên địa bàn;

2. Quản lý, bảo trì hệ thống cột do đơn vị quản lý, có kế hoạch duy tu hệ thống cột, cải tạo và lắp đặt gá đỡ để đỡ các cáp viễn thông; tổ chức kiểm tra, thống kê các cột không đảm bảo an toàn và thông báo cho các đơn vị sở hữu cáp viễn thông phối hợp xử lý, đồng thời có biện pháp di chuyển, bổ sung cột cho phù hợp và đảm bảo an toàn, thay thế cột cũ không đủ khả năng chịu lực, không đảm bảo mỹ quan.

3. Lập và quản lý hồ sơ các tuyến cột điện có treo cáp viễn thông, gồm các nội dung: đơn vị thuê cột; chủng loại và số lượng từng loại cáp treo trên cột; điểm đầu - điểm cuối của tuyến đường đã thỏa thuận; số và ngày ký hợp đồng thuê cột.

4. Kiểm tra, tính toán khả năng chịu lực và tải trọng an toàn của cột treo cáp trước khi tiến hành làm thủ tục cho phép, chấp thuận treo cáp. Quản lý chặt chẽ việc treo cáp trên hệ thống cột và chủ trì, phối hợp với các đơn vị sở hữu cáp viễn thông khắc phục và xử lý sự cố.

5. Khi phát hiện cáp viễn thông treo trên cột gây mất an toàn cho cộng đồng, ảnh hưởng mỹ quan đô thị hoặc mất an toàn cho hệ thống điện thì đơn vị quản lý cột treo cáp báo ngay cho đơn vị sở hữu cáp viễn thông biết để khẩn trương khắc phục hoặc phối hợp với chính quyền địa phương xử lý kịp thời. Trường hợp khẩn cấp có nguy cơ gây mất an toàn nghiêm trọng, đơn vị quản lý cột treo cáp báo cáo cơ quan chức năng ở địa phương lập biên bản và tổ chức tháo dỡ để đảm bảo an toàn, đơn vị quản lý cột treo cáp không chịu trách nhiệm đối với việc gián đoạn tín hiệu của cáp viễn thông. Sau đó mời các đơn vị sở hữu cáp viễn thông để giải quyết các vấn đề có liên quan.

6. Thực hiện thỏa thuận việc sử dụng cột đối với các đơn vị quản lý cáp viễn thông đi treo trên cột theo đúng hợp đồng đã ký kết. Định kỳ kiểm tra các tuyến cáp viễn thông treo trên cột nhằm cập nhật thông tin tình trạng của cáp

viễn thông, số lượng cáp viễn thông phát sinh mới của đơn vị sở hữu cáp viễn thông có ký hợp đồng, đồng thời rà soát, thống kê số lượng cáp viễn thông phát sinh mà không xác định được chủ sở hữu để kịp thời xử lý hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định việc tháo dỡ theo quy định.

Điều 27. Các đơn vị sở hữu cáp viễn thông hoặc hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông

1. Phối hợp với đơn vị quản lý cột treo cáp xây dựng và triển khai kế hoạch sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông; thu hồi cáp treo bị hỏng, cáp treo không sử dụng, cáp treo không đúng quy định. Trước khi triển khai, đơn vị gửi kế hoạch cho Sở Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân xã, phường theo quy định.

2. Đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh theo Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Thực hiện việc sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa các tuyến cáp viễn thông theo Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp treo mới hoặc treo bổ sung cáp viễn thông, phải có văn bản chấp thuận của đơn vị quản lý cột treo cáp và bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan; đồng thời phối hợp với đơn vị quản lý cột treo cáp để làm gọn, sắp xếp và đưa cáp viễn thông vào khay, gong theo đúng quy định.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các vi phạm phát sinh trong quá trình lắp đặt và sử dụng trên cột treo cáp gây sự cố lưới điện, tai nạn lao động hoặc các sự cố khác làm ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị quản lý cột treo cáp và các đơn vị sử dụng chung cột treo cáp.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cần kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình xem xét, điều chỉnh Quy định cho phù hợp./.